TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 168/2025/HNGĐ-ST Ngày 09-7-2025 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2025/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 7/106 HDV, phường TL, quận HB, thành phố Hải Phòng (nay là số 7/106 HDV, phường HB, thành phố Hải Phòng); hiện trú tại: T086-0654 228-31 Nakaharubetsu, Betsukai-cho, Japan; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lê Đại D, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 7/106 HDV, phường TL, quận HB, thành phố Hải Phòng (nay là số 7/106 HDV, phường HB, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Đại D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường TL, quận HB, thành phố Hải Phòng vào ngày 27/9/2013. Thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc và đã có hai con chung. Tuy nhiên, đến năm 2020, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về tính cách, quan điểm

sống; anh D không quan tâm đến gia đình, vợ, con. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Nay, chị N đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đại D. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Đại D có 02 con chung là Lê Thanh H1, sinh ngày 13/10/2013, Lê Nguyễn Hoàng H2, sinh ngày 06/10/2017. Hiện nay, 02 con chung đều đang ở với anh Lê Đại D. Khi ly hôn, chị N đề nghị giao cháu H1 cho chị N nuôi và giao cháu H2 cho anh D nuôi hoặc ai nuôi con theo nguyện vọng của các cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Nếu anh D muốn nuôi cả hai con như hiện nay, chị N cũng đồng ý và đề nghị mức cấp dưỡng từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng để anh D chăm sóc và đóng học cho các cháu như hiện nay. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Trình bày và đề nghị của bị đơn: Về quan hệ hôn nhân: Anh D không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị N do vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì với nhau. Kể từ khi chị N sang Nhật làm việc đến nay, hai vợ chồng anh chị ít nói chuyện trao đổi nhưng không có mâu thuẫn gì, không có việc cãi chửi nhau như chị N trình bày. Anh D đề nghị chị N có mặt ở Việt Nam để giải quyết ly hôn. Về con chung: Anh D và chị N có hai con chung như chị N trình bày, hiện nay, anh D đang trực tiếp nuôi hai con chung, chị N có trách nhiệm đóng học phí cho hai con, anh D lo các chi phí sinh hoạt khác. Nếu giải quyết việc ly hôn mà chị N có mặt ở Việt Nam thì anh D đồng ý việc giao con chung như chị N đề nghị, cụ thể: Chị N nuôi dưỡng cháu H1, anh D nuôi dưỡng cháu H2. Nếu chị N không có mặt ở Việt Nam thì anh D đề nghị nuôi cả hai con do hoàn cảnh gia đình nhà bố mẹ đẻ của chị N không đủ điều kiện để chăm sóc hộ các con thay chị N. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D đề nghị chị N tiếp tục có trách nhiệm cấp dưỡng từ 3 triệu đến 4 triệu đồng/tháng/cháu để đóng học cho các con; ngoài ra, anh D không yêu cầu gì khác. Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 BLTTDS; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án ND Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N và anh Lê Đại D được ly hôn. Về con chung: Giao hai con chung là Lê Thanh H1, sinh ngày 13/10/2013 và Lê Nguyễn Hoàng H2, sinh ngày 06/10/2017 cho anh Lê Đại D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng/con kể từ ngày tuyên án đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo

trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ. Anh Lê Đại D có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị N hiện đang cư trú tại Nhật Bản có đơn xin ly hôn anh Lê Đại D, hiện đang cư trú tại Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn là anh Lê Đại D vắng mặt không có lý do; nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N kết hôn với anh Lê Đại D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường TL, quận HB, thành phố Hải Phòng vào ngày 27/9/2013 nên theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian; đến năm 2020, khi chị N đi lao động tại Nhật Bản, anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, từ đó đến nay, anh chị đã sống ly thân, không có sự yêu thương, chăm sóc nhau. Mặc dù, anh D cho rằng hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng anh cũng trình bày vợ chồng anh chị không còn liên lạc với nhau nhiều, anh chỉ đồng ý giải quyết việc ly hôn khi chị N về nước. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Đại D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N xin ly hôn là có cơ sở nên áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn với anh Lê Đại D.

[4] Về con chung: Anh Lê Đại D và chị Nguyễn Thị N có hai con chung là Lê Thanh H1, sinh ngày 13/10/2013 và Lê Nguyễn Hoàng H2, sinh ngày 06/10/2017. Hiện nay, hai con chung đều do anh D nuôi. Xét thấy, hiện nay anh D đang trực tiếp nuôi hai con ổn định nên chấp nhận đề nghị của anh Lê Đại D, giao hai con chung cho anh D trực tiếp nuôi cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: hiện nay, chị N có trách nhiệm đóng học phí cho hai con chung, anh D có trách nhiệm lo các chi phí sinh hoạt khác. Hai con chung hiện đang trong độ tuổi đi học anh D đề nghị giữ nguyên mức đóng góp như hiện nay phù hợp với đề nghị của chị N về mức cấp dưỡng. Do đó, chấp nhận đề nghị của anh D về việc chị N có trách nhiệm cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Đại D không yêu cầu nên Toà án xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Đại D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Đại D.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Lê Thanh H1, sinh ngày 13/10/2013 và Lê Nguyễn Hoàng H2, sinh ngày 06/10/2017 cho anh Lê Đại D trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở, người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Lê Thanh H1 và Lê Nguyễn Hoàng H2 định kỳ hàng tháng (giao cho anh Lê Đại D) số tiền là 3.000.000 đồng/tháng/con chung kể từ ngày tuyên án cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Đại D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000401 ngày 29/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (nay là Thi hành án dân sự TP Hải Phòng); chị Nguyễn Thị N còn phải nộp 300.000 đồng.

6. Chị Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Anh Lê Đại D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường HB, tp Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Sơn